

BÁO CÁO

Thường niên năm 2025

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ NAVICO

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nam Việt.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh An Giang cấp ngày 02/10/2006, thay đổi lần thứ 17 ngày 23 tháng 7 năm 2025.
- Vốn điều lệ: **2.666.675.000.000** đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **2.666.675.000.000** đồng.
- Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, An Giang.
- Số điện thoại: (0296) 3834 065 - (0296) 3834 060.
- Số fax: (0296) 3834 054 - (0296) 3932 486.
- Website: www.navicorp.com.vn
- Mã cổ phiếu: ANV

2. Quá trình hình thành và phát triển

Từ những ngày đầu thành lập, Navico đã không ngừng đầu tư vào chuỗi giá trị khép kín để có được thành quả như ngày hôm nay với hệ thống từ ương giống, sản xuất thức ăn, vùng nuôi cá tra thành phẩm, nhà máy chế biến đông lạnh, nhà máy bao bì, nhà máy phụ phẩm dầu cá, bột cá. Đầu tư góp vốn thành lập nhà máy sản xuất collagen và gelatin, đầu tư thành lập nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, đầu tư sản xuất điện năng lượng mặt trời.

Những sự kiện quan trọng:

Năm 1993	Công ty Cổ phần Nam Việt có tiền thân là Công ty TNHH Nam Việt được thành lập vào năm 1993 hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp.
Năm 2000	Công ty có bước chuyển biến quan trọng đầu tư sang lĩnh vực chế biến thủy sản.
Năm 2006	Chuyển hình thức sang Công ty Cổ phần với số vốn điều lệ là 660 tỷ đồng.
Năm 2006	Thành lập Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương (công ty con)

Tháng 12/2007	Cổ phiếu Nam Việt chính thức được niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là ANV
Năm 2011	Công ty bắt đầu xây dựng vùng nuôi cá nguyên liệu.
Năm 2012	Công ty xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và đi vào hoạt động với 4 dây chuyền sản xuất, tổng công suất 400 tấn/ngày.
Năm 2016	Công ty đã có 8 dây chuyền sản xuất thức ăn với tổng công suất lên đến 800 tấn/ngày đáp ứng 100% nhu cầu thức ăn cho 250 ha vùng nuôi cá nguyên liệu của công ty, phần còn lại bán ra thị trường.
Năm 2017	Công ty tăng vốn điều lệ từ 660.000.000.000 đồng lên 1.250.446.250.000 đồng.
Năm 2018	Đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú diện tích 600ha
Năm 2018	Thành lập Công ty TNHH MTV Nam Việt Bình Phú (công ty con)
Năm 2019	Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.250.446.250.000 đồng lên 1.275.396.250.000 đồng.
Năm 2019	Thành lập Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương - Chi nhánh An Giang
Tháng 03/2020	Góp vốn thành lập Công ty TNHH Amicogen Nam Việt, Vốn điều lệ 46 tỷ 480 triệu đồng; % góp vốn là 50%; Ngành nghề: sản xuất collagen và gelatin. Công suất 780 tấn / năm.
Tháng 05/2020	Thành lập Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar, Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar, Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar; Tổng vốn điều lệ 64 tỷ đồng; % góp vốn là 100%; Ngành nghề: sản xuất điện năng lượng mặt trời. Thi công và bán điện trong năm 2020 là 46 cụm năng lượng mặt trời áp mái với công suất 53 MW.
Tháng 07/2020	Thành lập công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt, Vốn điều lệ 5 tỷ đồng; % góp vốn là 100%; Ngành nghề: sản xuất phân bón hữu cơ, Công suất 70.000 tấn / năm.
Tháng 12/2021	Khởi công nhà máy Amicogen, tổng mức đầu tư 46 tỷ 480 triệu đồng, sản xuất collagen và gelatin với công suất 780 tấn/năm
Tháng 03/2022	Thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản Nam Việt
Tháng 05/2022	Thành lập công ty TNHH MTV Chế biến thức ăn Thủy sản Nam Việt, vốn điều lệ 200 tỷ đồng
Tháng 05/2022	Thành lập nhà máy đông lạnh thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty CP Nam Việt

Tháng 06/2022	Thành lập Công ty TNHH MTV Chế biến thức ăn Thủy sản Nam Việt – Chi nhánh An Giang
Tháng 07/2022	Xuất khẩu vào thị trường Mỹ, đánh dấu sự trở lại của Navico ở thị trường này
Tháng 09/2022	Chấm dứt hoạt động nhà máy chế biến thức ăn thủy sản – Chi nhánh Công ty CP Nam Việt
Tháng 11/2022	Hoàn thành xây dựng nhà máy Amicogen, đưa vào chạy thử nghiệm
Tháng 03/2023	Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.275.396.250.000 đồng lên 1.335.396.250.000 đồng.
Tháng 08/2023	Giải thể Công ty TNHH MTV Bất động sản Nam Việt
Tháng 06/2024	Thành lập nhà máy đông lạnh thủy sản Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty CP Nam Việt
Tháng 06/2024	Thành lập nhà Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty CP Nam Việt
Tháng 12/2024	Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.335.396.250.000 đồng lên 2.666.675.000.000 đồng

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất bao bì;
- Chế biến bảo quản thủy sản & các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Sản xuất collagen và gelatin;
- Sản xuất phân bón hữu cơ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Xây dựng nhà để ở, xây dựng nhà không để ở;
- Truyền tải và phân phối điện;
- In bao bì các loại;
- Xây dựng công trình công nghiệp, Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;

- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình đường sắt, Xây dựng công trình đường bộ;
- Mua bán cá, Thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai khoáng khác;
- Bán buôn hóa chất;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thuốc Thú y, Thủy sản;
- Bán buôn thuốc Thú y, Thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Trồng lúa

3.2. Địa bàn kinh doanh: Navico là doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, hàng đầu thế giới đến hơn 100 Quốc gia trên khắp thế giới.

- Châu Á: Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Đài Loan, Singapore, Ấn Độ...
- Châu Âu: Anh, Pháp, Bỉ, Italya, Hà Lan, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Hy Lạp, Rumania, Nga, Ukraine....
- Châu Mỹ: Mỹ, Brazil, Colombia, Mexico, Argentina, Chile, Dominican, Costa Rica, Canada,...
- Trung Đông: Iraq, Jordan, Kuwait, UAE, Qatar...
- Châu Phi: Ai Cập, Morocco, ...
- Châu Úc: Úc, New Zealand

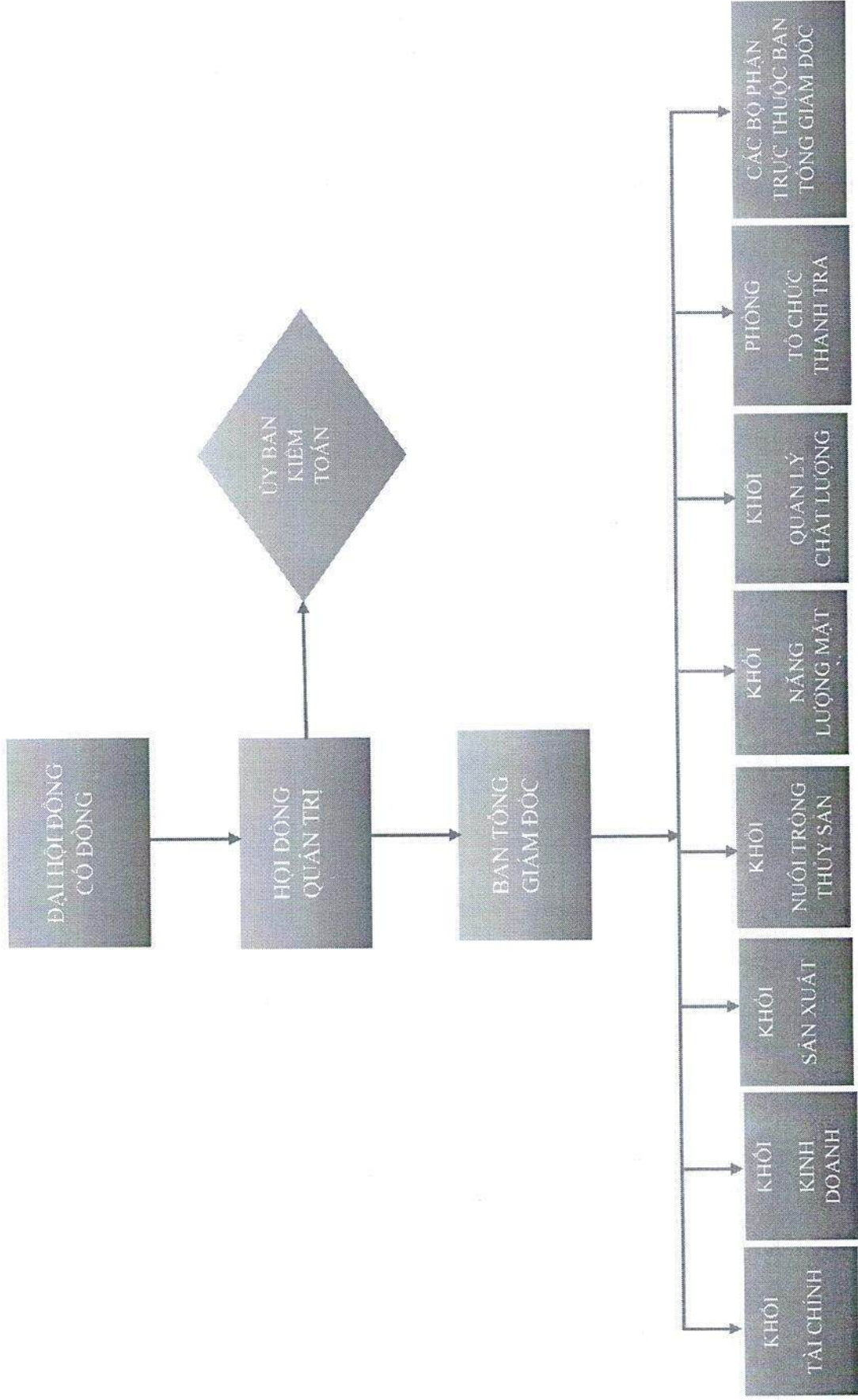
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị; Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng giám đốc.



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



5. Các công ty con, công ty liên kết:

5.1. Các công ty con

i. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	
Địa chỉ	: Lô A4 KCN Thốt Nốt, Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại	: 02923 649 262
Vốn điều lệ	: 36.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	: 36.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 100%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chế biến dầu cá, bột cá.
ii. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú	
Địa chỉ	: 19D Trần Hưng Đạo, Phường phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	: 02963 932 486
Vốn điều lệ	: 540.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP đã góp	: 540.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 100%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Nuôi trồng thủy sản
iii. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt	
Địa chỉ	: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	: 02963 932 486
Vốn điều lệ	: 5.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP đã góp	: 5.000.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP : 100%

Ngành nghề kinh doanh chính : Sản xuất phân bón hữu cơ

iv. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại : 0296 3932486

Vốn điều lệ : 180.000.000.000 VND

Vốn NAVICORP đã góp : 180.000.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP : 100%

Ngành nghề kinh doanh chính : Sản xuất điện năng lượng mặt trời.

v. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại : 0296 3932486

Vốn điều lệ : 5.000.000.000 VND

Vốn NAVICORP đã góp : 5.000.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP : 100%

Ngành nghề kinh doanh chính : Sản xuất điện năng lượng mặt trời.

vi. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại	: 0296 3932486
Vốn điều lệ	: 5.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP đã góp	: 5.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 100%
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất điện năng lượng mặt trời.

vii. Tên Công ty	: Công ty TNHH MTV Chế biến thức ăn Thủy sản Nam Việt
Địa chỉ	Lô A4 KCN Thốt Nốt, Phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại	02923.649.262
Vốn điều lệ	200.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP đã góp	200.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản

Các công ty liên doanh

i. Tên Công ty	: Công ty TNHH Amicogen Nam Việt
Địa chỉ	: Lô 4A, KCN Thốt Nốt, Phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại	: 0296 649 769
Vốn điều lệ	: 138.480.000.000 VND
Vốn NAVICORP đã góp	: 69.240.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	: 50%

6. Định hướng phát triển:

- ❖ **Các mục tiêu chủ yếu:** Đưa công ty trở về vị trí dẫn đầu của ngành bằng việc tận dụng các lợi thế sẵn có từ chuỗi giá trị khép kín từ chế biến thức ăn thủy sản, nuôi trồng đến chế biến xuất khẩu; đồng thời phát triển đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa thị trường; duy trì phát triển bền vững.
- ❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**
 - Tiếp tục phát triển chuyên sâu, áp dụng công nghệ cao và hoàn thành chuỗi giá trị khép kín từ con giống, sản xuất thức ăn thủy sản, nuôi trồng thủy sản đến chế biến xuất khẩu.
 - Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ cá tra, cá rô phi và quan tâm phát triển thị trường nội địa.
 - Ứng dụng các thành tựu công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất và quản lý để nâng cao năng suất và hiệu quả ở từng lĩnh vực, từng bộ phận phòng ban. Qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, vượt qua mọi khó khăn thử thách để hoàn thành sứ mệnh, mục tiêu chiến lược.
- ❖ **Các mục tiêu phát triển bền vững:**
 - **Thị trường tiêu thụ:** Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ cá tra, cá rô phi và quan tâm phát triển thị trường nội địa
 - **Chất lượng sản phẩm:** đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tiêu chuẩn đầu ra của từng thị trường. Đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất đến tay người tiêu dùng
 - **Đối với môi trường:** không ngừng cải tiến hệ thống quản lý môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, thực hiện tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, chung tay bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên.
 - **Đối với xã hội:** thực hiện minh bạch giờ công, tiền lương, các chế độ phúc lợi xã hội. Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động, bảo vệ và nâng cao sức khỏe và tạo môi trường làm việc lành mạnh cho người lao động.

7. Các rủi ro:

- ❖ **Rủi ro đặc thù ngành:**
 - **Rủi ro về dịch bệnh, ô nhiễm môi trường:** Những năm gần đây tình hình biến đổi khí hậu diễn biến khá tiêu cực, nước biển dâng đã làm nước mặn tiến sâu vào nội đồng, tuy các vùng nuôi của Nam Việt không bị xâm nhập mặn nhưng hạn hán mức độ cao cũng ảnh hưởng đến vùng sản xuất giống và nuôi cá tra thương phẩm. Nam Việt chủ động xây dựng các kênh/ao chứa để bơm vào ao nuôi nên chủ động ứng phó hạn nặng và nước ô nhiễm.
 - **Rủi ro tăng giá nguyên vật liệu:** Thị trường thiếu con giống sẽ làm giá cá được đẩy lên mức cao. Việc tự chủ nguồn nguyên liệu bằng việc đầu tư vào các vùng nuôi giúp Navico kiểm soát tốt được chi phí nguyên vật liệu cũng như chất lượng đầu vào của sản phẩm.
 - **Rủi ro thị trường xuất khẩu:** Việc xuất khẩu sang các thị trường chính như EU, Trung Quốc, Nam Mỹ.... vẫn còn nhiều rủi ro do rào cản thương mại chặt chẽ

từ các nước nhập khẩu, sự cạnh tranh của các sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng, xung đột địa chính trị ...

Navico từ đầu đã định hướng rõ trong việc đa dạng thị trường xuất khẩu, phát triển thị trường nội địa, tránh việc tập trung quá nhiều vào bất cứ một thị trường nào giúp phần nào giảm được rủi ro.

❖ **Rủi ro việc làm:** Sự thay đổi của thị trường, khách hàng, sản phẩm hay các vấn đề như thời tiết, chính sách sẽ khiến nhu cầu lao động của công ty thay đổi. Khối lượng công việc tăng lên sẽ gây thiếu hụt lao động, ảnh hưởng đến sản xuất, chất lượng sản phẩm. Hoặc khi thị trường gặp khó khăn, quy mô sản xuất bị thu hẹp khiến dư thừa lao động, Navico đã và đang đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến, định biên lao động hợp lý, xây dựng chính sách nhân sự và bố trí lao động phù hợp để có thể ứng phó với các biến động về nhu cầu lao động.

❖ **Rủi ro tài chính:**

- **Rủi ro lãi suất:** Với Navico, chi phí lãi vay bình quân năm 2025 chiếm 0,98% doanh thu thuần. Nguồn vốn lưu động phần lớn đến từ các khoản vay ngắn hạn ngân hàng. Vì vậy khi lãi suất có biến động đều ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của công ty.

- **Rủi ro tỷ giá hối đoái:** Với việc xuất khẩu là hướng kinh doanh chính của Công ty và lượng ngoại tệ thu về chủ yếu là USD, thì việc biến động tỷ giá hối đoái tăng hoặc giảm đều có tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận công ty.

❖ **Rủi ro môi trường:**

Chất lượng môi trường nước là yếu tố liên quan đến tỷ lệ hao hụt trong quá trình nuôi cá tra ; nên việc không ngừng cải tiến hệ thống quản lý môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường là mục tiêu xuyên suốt cần quan tâm

❖ **Rủi ro khác:**

- Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như tình hình tăng giá vận chuyển, bảo quản hàng hóa, lưu kho... là những rủi ro có nguy cơ xảy ra thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025, tình hình chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược gay gắt, xung đột Nga – Ucraina chưa kết thúc, giá xăng dầu, hàng hóa cơ bản, cước vận tải biển biến động, tỷ giá, lãi suất biến động khó lường; thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, an ninh mạng diễn biến phức tạp.

Doanh thu năm 2025 là 6.952 tỷ đồng, đạt 142% so với năm 2024, lợi nhuận trước thuế đạt 1.152 tỷ đồng, đạt 1.468% so với năm 2024.

Môi trường kinh doanh 2025

Thuận lợi:

- Navico vẫn duy trì chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất thức ăn, nuôi trồng thủy sản và chế biến thủy sản.
- Công ty có sẵn các nhà máy có công suất 1.000 tấn nguyên liệu / ngày nên đáp ứng đủ khi nhu cầu tăng cao.



- Công suất nhà máy chế biến thức ăn có khả năng đáp ứng 100% nhu cầu của toàn bộ vùng nuôi.
- Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam có điều kiện sinh thái thuận lợi cho việc nuôi cá tra, cá rô phi quy mô lớn, hơn nữa trong nhiều thập niên qua An Giang không bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn, biến đổi khí hậu.
- Navico là một thương hiệu hàng đầu về các sản phẩm cá tra, cá rô phi và là thương hiệu uy tín đối với khách hàng trên thế giới; Công ty có thị trường xuất khẩu tương đối đa dạng và ổn định qua nhiều năm.
- Navico có đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm, đoàn kết, tràn đầy năng lượng, luôn khát khao đổi mới sáng tạo và trung thành tuyệt đối với công ty.

Khó khăn:

- Xung đột Nga – Ucraina chưa kết thúc
- Một số thị trường tiếp tục dựng lên các hàng rào phi thuế quan để hạn chế và thắt chặt kiểm soát hàng hóa nhập khẩu

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

❖ Tình hình thực hiện chỉ tiêu so kế hoạch đã đề ra:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2025	TH2025	TH2025/ KH2025
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.000-7.000	6.952	107%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	500	1.152	230%

❖ Kết quả hoạt động SXKD năm 2025:

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2024 (tỷ đồng)	Năm 2025 (tỷ đồng)	Tỷ lệ % năm 2025 so với năm 2024
1	Doanh thu thuần	4.911	6.952	142%
2	Giá vốn hàng bán	4.351	5.329	122%
3	Lợi nhuận gộp	560	1.623	290%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	33	50	154%
5	Chi phí hoạt động tài chính	103	74	71%
6	Chi phí bán hàng	280	379	135%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	86	72	84%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	119	1.150	964%
9	Lợi nhuận khác - Tổng	(41)	2	-6%
10	Lợi nhuận trước thuế	79	1.152	1.468%

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2024 (tỷ đồng)	Năm 2025 (tỷ đồng)	Tỷ lệ % năm 2025 so với năm 2024
11	Lợi nhuận sau thuế	48	999	2.090%

3. Tổ chức và nhân sự

a- Danh sách HĐQT và Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Quá trình công tác
1	Ông Doãn Tới	Tổng giám đốc - phó Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1954. ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật. ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10 năm 2006: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt. - Từ năm 2001 đến tháng 09 năm 2006: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nam Việt. - Từ năm 1971 đến năm 2001: Sĩ quan quân đội (cấp bậc Thượng tá) đến 2001 nghỉ hưu. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 146.610.000 cổ phần – 54,98% vốn điều lệ.
2	Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT- Phó Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1975. ▪ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh. ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 01/2011: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Nam Việt. - Từ năm 2004 đến tháng 09 năm 2010: Giám đốc sản xuất Công ty CP Nam Việt. - Từ năm 2000 đến năm 2004: Phó Giám đốc Nhà máy đông lạnh Thủy sản Nam Việt. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 915.700 cổ phần – 0,34% vốn điều lệ.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Quá trình công tác
3	Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên HĐQT-Phó Tổng giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1965. ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế. ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2008 đến 2010: Phó Giám Đốc Tài chính, Công ty CP Nam Việt. - Từ 2010 đến tháng 06/2017: Giám Đốc Tài Chính, Công ty CP Nam Việt. - Từ 01/7/2020: Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 400.000 cổ phần – 0,15% vốn điều lệ
4	Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên độc lập HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1979 ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - Từ 02/2004 kế toán CTCP Nam Việt. - Từ 2010 đến nay: kế toán DNTN Thanh Thiên. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ.
5	Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1977. ▪ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Cử nhân Anh văn ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/06/2000: Bắt đầu công tác tại Tập đoàn Nam Việt ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 140.000 cổ phần – 0,05% vốn điều lệ.
6	Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1976. ▪ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. ▪ Quá trình công tác: 19 năm tại CTCP Nam Việt. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 900.000 cổ phần – 0,34% vốn điều lệ.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Quá trình công tác
7	Ông Nguyễn Thanh Liêm	Phó Tổng giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1969 . ▪ Trình độ chuyên môn: Đại học XD CN&DD ▪ Quá trình công tác: Từ 05/2020 đến nay tại CTCP Nam Việt. ▪ Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 711.200 cổ phần – 0,27% vốn điều lệ.
8	Nguyễn Hà Thu Diễm	Kế toán trưởng	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm sinh: 1989. ▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ▪ Quá trình công tác: Bắt đầu từ ngày 13/07/2011 công tác tại Tập Đoàn Nam Việt. Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phần – 0,005 % vốn điều lệ

b- Những thay đổi trong Thành viên HĐQT và Ban điều hành: không phát sinh

c- Số lượng cán bộ nhân viên

Tính đến 31/12/2025, tổng số lao động của Tập đoàn là 5.770 người, với cơ cấu như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	5.770	100
1	Đại học và Trên Đại học	320	5.55
2	Cao đẳng, Trung cấp nghề	326	5.65
3	Sơ cấp, Công nhân Kỹ thuật	38	0.66
4	Lao động phổ thông	5.086	88.14
II	Theo đối tượng lao động	5.770	100
1	Lao động toàn thời gian	5.770	100
2	Lao động bán thời gian		
III	Theo giới tính	5.770	100
1	Nam	3.048	52.82
2	Nữ	2.722	47.18

d- Một số chính sách đối với người lao động năm 2025

- Công ty áp dụng chính sách tiền lương và khen thưởng cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định pháp luật và quy chế lương thưởng của công ty dựa trên

các cơ sở về hiệu quả công việc của từng người, theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của công ty.

- Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn, Các tổ chức đoàn thể ở địa phương tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày thành lập Công ty, năm mới...

- Các chế độ phúc lợi khác:

- ✓ Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13
- ✓ Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế
- ✓ Tổ chức du lịch để nâng cao tính đoàn kết, gắn bó với công ty
- ✓ Thưởng cho con CBNV có thành tích học tập tốt

4. Tình hình đầu tư:

❖ Các Dự án phát sinh trong năm: không

❖ Các khoản đầu tư dài hạn

Tính đến 31/12/2025 còn khoản đầu tư ở Cromit Cổ Định Thanh Hóa

Tên công ty đầu tư	31/12/2025	31/12/2024
Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	20.304.000.000

❖ Các công ty con, công ty liên kết:

CÔNG TY TNHH MTV ÁN ĐỘ DƯƠNG

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	Tr đồng	1.534.289	1.003.084
LNTT	Tr đồng	154.427	15.642
Tài sản	Tr đồng	373.218	283.797
Vốn điều lệ	Tr đồng	36.000	36.000

CÔNG TY TNHH MTV NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NAM VIỆT BÌNH PHÚ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	Tr đồng	616.587	945.837
LNTT	Tr đồng	(15.955)	35.186
Tài sản	Tr đồng	1.025.311	1.060.483
Vốn điều lệ	Tr đồng	540.000	540.000

CÔNG TY TNHH MTV PHÂN BÓN HỮU CƠ NAM VIỆT

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	Tr đồng	34	44
LNTT	Tr đồng	(621)	(387)

Tài sản	Tr đồng	177	4.423
Vốn điều lệ	Tr đồng	1.500	5.000

CÔNG TY TNHH MTV NAM VIỆT SOLAR

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	Tr đồng	97.845	100.451
LNTT	Tr đồng	65.417	57.257
Tài sản	Tr đồng	272.414	304.708
Vốn điều lệ	Tr đồng	180.000	180.000

CÔNG TY TNHH MTV ÁN ĐỘ DƯƠNG SOLAR

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	Tr đồng	11.603	11.579
LNTT	Tr đồng	8.544	8.090
Tài sản	Tr đồng	29.466	32.648
Vốn điều lệ	Tr đồng	5.000	5.000

CÔNG TY TNHH MTV ĐẠI TÂY DƯƠNG SOLAR

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	Tr đồng	12.337	12.312
LNTT	Tr đồng	9.340	8.868
Tài sản	Tr đồng	28.789	31.886
Vốn điều lệ	Tr đồng	5.000	5.000

CÔNG TY TNHH MTV CBTATS NAM VIỆT

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	Tr đồng	2.161.342	2.094.007
LNTT	Tr đồng	32.655	37.950
Tài sản	Tr đồng	715.245	672.060
Vốn điều lệ	Tr đồng	200.000	200.000

CÔNG TY TNHH AMICOGEN NAM VIỆT (công ty liên doanh)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	Tr đồng	50.386	38.120
LNTT	Tr đồng	1.537	(8.171)
Tài sản	Tr đồng	135.965	141.488
Vốn điều lệ	Tr đồng	138.480	138.480
Công ty thành lập ngày 30/03/2020			

5. Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025 (tr. Đồng)	Năm 2024 (tr. Đồng)	% tăng giảm trong năm 2025
1	Tổng giá trị tài sản	5.824.715	4.862.271	19,8%
2	Doanh thu thuần	6.951.508	4.911.266	41,5%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.149.922	119.282	864%
4	Lợi nhuận khác	2.368	(40.768)	-105,8%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.152.290	78.514	1.367,6%
6	Lợi nhuận sau thuế	999.478	47.832	1.989,6%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,56	1,33
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,92	0,48
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	39,4	42,5
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	%	65,2	73,9
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	vòng	3,47	2,18
+ Vòng quay tổng tài Sản:	vòng	1,30	0,98
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,38	0,97
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	28,34	1,71
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	17,16	0,98
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	16,54	2,43

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần

- Số lượng cổ phần: 266.667.500 cổ phần

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Số cổ phiếu ưu đãi: không có
- Số cổ phiếu phổ thông: 266.667.500 cổ phần
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 266.667.500 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 266.667.500 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu (Chốt ngày 24/10/2025)

STT	TỶ LỆ SỞ HỮU	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN
1	Trên 5% sở hữu	164.610.000
2	Dưới 5% sở hữu	101.645.750

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Cổ đông trong nước	254.473.837	95,57%
Cá nhân	252.436.260	94,81%
Tổ chức	2.037.577	0,76%
Cổ đông ngoài nước	11.781.913	4,43%
Cá nhân	400.379	0,16%
Tổ chức	11.381.534	4,27%
Tổng cộng	266.255.750	100%
	(Chưa tính cổ phiếu quỹ 411.750)	

Trong năm 2025 công ty không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Tính đến 31/12/2025, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 411.750 cổ phiếu (giá 25.700đ/cp tương đương 10,582 tỷ đồng). Trong năm 2025, Công ty không mua cổ phiếu quỹ.

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

a- Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2025: Giấy đóng thùng 6.386.895 kg và hạt nhựa 894.025 kg.

- Tỷ lệ % nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính của tổ chức trong năm: 4.42% (39.560 kg/894.025 kg)

b- Báo cáo tiêu thụ năng lượng

- Trong năm 2025, Công ty luôn thực hiện các chính sách tiết kiệm nguồn năng

lượng như điện, xăng, dầu với mục đích vừa tiết kiệm chi phí cho công ty và cả tiết kiệm tài nguyên cho quốc gia, bảo vệ môi trường. Với biện pháp tiết kiệm năng lượng của công ty như:

- Sử dụng một số thiết bị tiết kiệm năng lượng tại văn phòng, xí nghiệp.
- Sử dụng bóng đèn LED
- Quán triệt, xây dựng cho nhân viên, cán bộ, người lao động thói quen tiết kiệm điện.
- Sử dụng điện năng lượng mặt trời.
- Hạn chế sử dụng điện giờ cao điểm

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Số lượng
1	Điện (Kwh)	150,282,245
2	Gas (kg)	30.620

c- Báo cáo tiêu thụ nước

- Với đặc thù hoạt động của công ty, lượng nước công ty sử dụng cho các hoạt động như nuôi trồng cá tra; sử dụng trong hoạt động chế biến các sản phẩm chính của công ty; sử dụng trong hoạt động chế biến thức ăn cho cá và sử dụng nước cho sinh hoạt.

- Song song với chính sách tiết kiệm năng lượng, Công ty cũng có các hoạt động, chính sách tiết kiệm nguồn nước sử dụng. Nguồn cung cấp nước chủ yếu của công ty là từ nguồn nước giếng. Lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của Công ty trung bình là 1.500 m³/ngày. Trước khi thải ra môi trường đều thông qua hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn.

d- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Trong năm công ty không vi phạm luật và các quy định về môi trường.

e- Chính sách liên quan đến người lao động:

- Hiện nay, Công ty có tổng cộng 5.770 người lao động với thu nhập bình quân 9.673.000 đồng/người/tháng.

- Ngoài những chính sách đãi ngộ, Navico đặc biệt quan tâm đến hoạt động đào tạo huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Trong năm qua, Công ty đã nghiêm túc thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết về một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. Cụ thể:

Đối tượng tham gia đào tạo	Số giờ đào tạo
Nhóm 1: Người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 16 giờ
Nhóm 2: Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 48 giờ
Nhóm 3: Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 24 giờ

Đối tượng tham gia đào tạo	Số giờ đào tạo
Nhóm 4: Người lao động không thuộc các nhóm 1, 2, 3 và 5, bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động.	Ít nhất 16 giờ
Nhóm 5: Người làm công tác y tế.	Ít nhất 56 giờ
Nhóm 6: An toàn, vệ sinh viên	Ít nhất 4 giờ

f- Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Navico hằng năm luôn có các hoạt động để đóng góp cho cộng đồng xã hội. Ngoài các hoạt động đóng góp sức lực trực tiếp cho việc giữ gìn cộng đồng xã hội, Công ty còn hỗ trợ tài chính cho cộng đồng địa phương.

- Những năm qua, Công ty đã có những đóng góp tài chính về:
 - Công ty đóng góp quỹ Mùa Xuân.
 - Công ty đóng góp quỹ Công tác xã hội từ thiện.
 - Đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa.
 - Đóng góp Quỹ học bổng (do gia đình Tổng Giám đốc tài trợ).
 - Công ty khen thưởng cho con của CB-CNV lao động có thành tích trong học tập.

C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2025, tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động, khó khăn; nhưng với quyết tâm của mình, Navico đạt chỉ tiêu doanh thu 6.952 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.152 tỷ đồng

Kết quả đạt được là nỗ lực hết mình của Ban Tổng Giám đốc và toàn bộ tập thể lao động công ty.

Hiện nay, Công ty đảm bảo tự chủ 100% thức ăn cho việc nuôi trồng, 100% cá nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, trong đó:

- 10 lines nhà máy thức ăn với công suất hơn 1000 tấn thành phẩm/ngày.
- 14 vùng nuôi cá Cty CP Nam Việt với tổng diện tích mặt nước đạt 152ha.
- Gần 600 ha vùng nuôi Công ty TNHH MTV NTTTS Nam Việt – Bình Phú.
- 4 nhà máy chế biến với tổng công suất thiết kế 1.000 tấn cá nguyên liệu/ngày, gồm:
 - Nhà máy đông lạnh thủy sản Ấn Độ Dương(DL18)
 - Nhà máy đông lạnh thủy Nam Việt (DL152)
 - Nhà máy đông lạnh thủy sản Thái Bình Dương (DL384)
 - Nhà máy đông lạnh thủy Đại Tây Dương (DL408)

1.1. Kết quả SXKD trong năm 2025

a- Các chỉ tiêu hợp nhất

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Tăng giảm trong năm 2025
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.911	6.952	41,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	79	1.152	1.367,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	48	999	1.989,6%
EPS	đồng /CP	179	3.754	3.575
Cổ tức chi trả / vốn điều lệ	%	10%		
Số lượng lao động	Người	5.932	5.770	-162
Thu nhập bình quân đầu người	Tr đồng / người	8,0	9,7	1,7

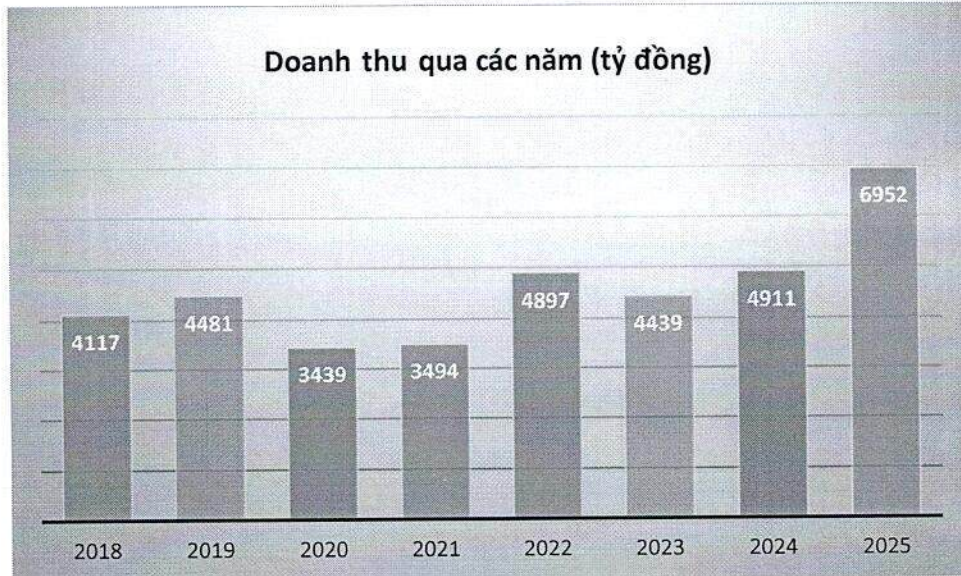
- **Doanh thu thuần** của toàn công ty trong năm 2025 đạt 6.952 tỷ đồng, tăng 41,5% so với cùng kì năm trước.

b- Chi tiết doanh thu năm 2025

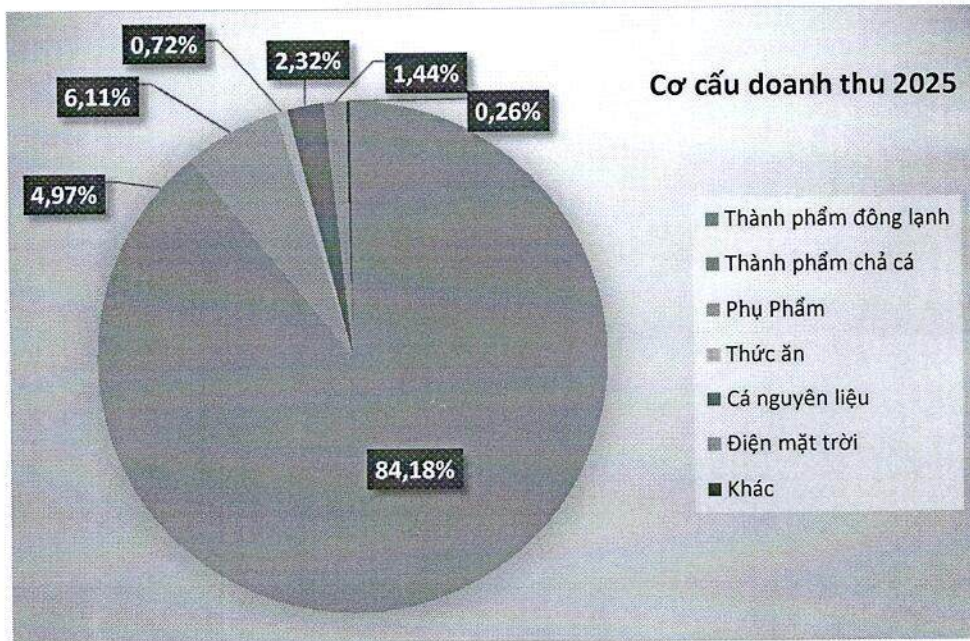
STT	Doanh Thu	Loại tiền	Tỷ lệ 2024	Tỷ lệ 2025
1	Thành phẩm đông lạnh	VND	78,85%	84,18%
2	Thành phẩm chả cá	VND	5,04%	4,97%
3	Phụ Phẩm	VND	6,31%	6,11%
4	Thức ăn	VND	0,08%	0,72%
5	Cá nguyên liệu	VND	7,13%	2,32%
6	Điện mặt trời	VND	2,21%	1,44%
7	Khác	VND	0,38%	0,26%
	Tổng cộng	VND	100%	100%

Doanh thu bán thành phẩm đông lạnh vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của Navico chiếm 84,18 %.

c- Biểu đồ doanh thu qua các năm:



d- Biểu đồ cơ cấu doanh thu năm 2025:

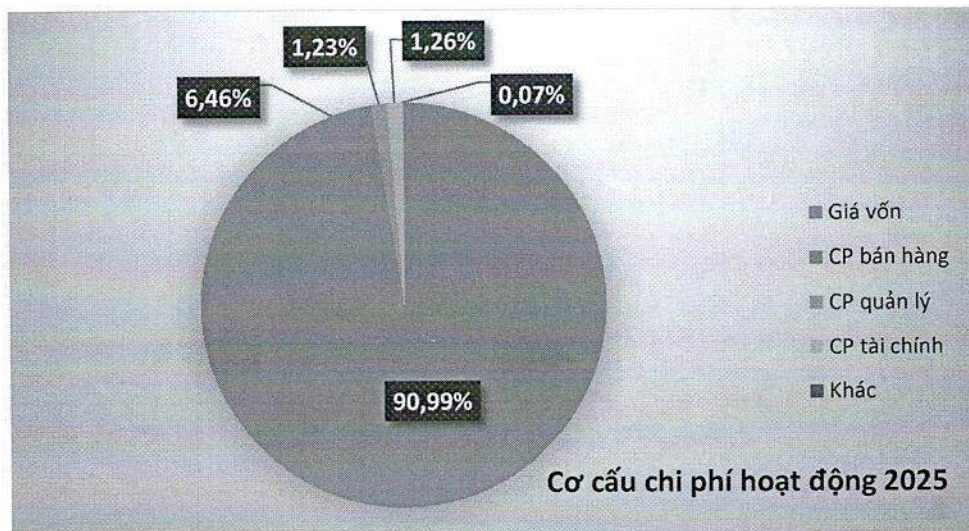


e- Về cơ cấu chi phí hoạt động

STT	Doanh Thu	Loại tiền	Tỷ lệ 2024	Tỷ lệ 2025
1	Giá vốn	VND	90,26%	90,99%
2	CP bán hàng	VND	5,82%	6,46%
3	CP quản lý	VND	1,78%	1,23%
4	CP tài chính	VND	2,14%	1,26%
5	Khác	VND	0%	0,07%
	Tổng cộng VND		100%	100%

Giá vốn hàng bán vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của Navico. Chi phí giá vốn hàng bán trong năm 2025 chiếm 90,99% tổng chi phí

- Biểu đồ cơ cấu chi phí hoạt động của Navico



1.2 Tình hình tài chính

a- Tình hình tài sản:

Tính đến 31/12/2025, giá trị tổng tài sản đạt 5.825 tỷ đồng, tăng 19,8 % so với năm 2024. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 59,7% so với tổng tài sản, giảm 6,5% so với năm 2024.

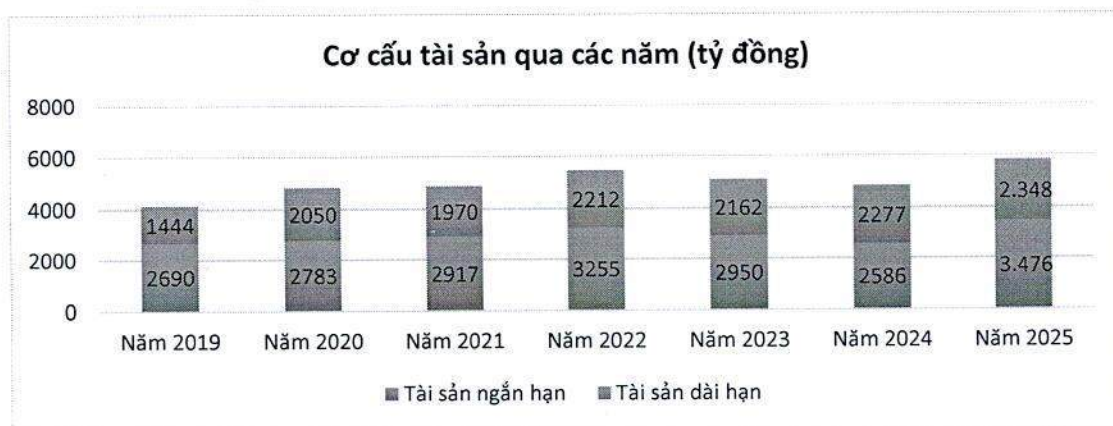
Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, tương đương 40,9%, tiếp đến là các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 36,2%.

Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 46,9%. Ngoài ra, các khoản tài sản dở dang dài hạn cũng chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản dài hạn, tương ứng 19%.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Navico trong năm 2025 thay đổi đáng kể so với năm 2024, trong đó:

- Vòng quay tổng tài sản từ 0,98 thành 1,3 vòng.
- Vòng quay hàng tồn kho từ 2,18 thành 3,47 vòng.

Biểu đồ cơ cấu tài sản qua các năm



b- Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2025, Tổng nợ phải trả của Công ty là 2.298 tỷ đồng, chiếm 39,45% cơ cấu nguồn vốn (nợ phải trả / tổng nguồn vốn).

Trong đó, nợ ngắn hạn là 2.231 tỷ đồng chiếm tỷ trọng chủ yếu là 97% trong tổng nợ phải trả. Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban điều hành thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.

c- Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá:

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng USD.

d- Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2024	2025
Vay ngắn hạn	Tỷ đồng	1.624	1.600
Vay dài hạn	Tỷ đồng	111	53
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	91	68
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	%	1,86%	0,98%

Năm 2025, lãi vay công ty phải trả là 68 tỷ đồng, giảm 25,4% so với năm 2024.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

a- Mục tiêu- chiến lược SXKD năm 2026

- + Tích cực đi vào chất lượng của chuỗi sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, giảm chi phí, đảm bảo môi trường.
- + Tìm kiếm thêm các khách hàng mới và duy trì khách hàng hiện hữu
- + Duy trì năng lực sản xuất và cải thiện kỹ thuật nuôi trồng và chế biến thủy sản để có sản phẩm đạt chất lượng tốt, ổn định, giá cả hợp lý.
- + Đầu tư xây dựng Nhà máy Chế biến thủy sản xuất khẩu Bắc Băng Dương:
 - Vị trí : Cụm Công Nghiệp Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang
 - Diện tích QSDĐ đất : 21.848 m²
 - Công suất thiết kế : 150 tấn nguyên liệu cá / ngày
 - Mục đích đầu tư: Chế biến thủy sản xuất khẩu
 - Vốn đầu tư : 300 tỷ đồng
 - Nguồn vốn đầu tư : phát hành cổ phiếu
- + Đầu tư xây dựng Tòa nhà Navico Tower:
 - Vị trí : đường Nguyễn Huệ, phường Long Xuyên , An Giang
 - Diện tích QSDĐ đất : 1.061 m²
 - Công suất thiết kế : 12 tầng * 700 m² / 1 tầng
 - Mục đích đầu tư: Tòa nhà văn phòng tập đoàn Nam Việt và cho thuê văn phòng....
 - Vốn đầu tư : 150 tỷ đồng
 - Nguồn vốn đầu tư : Phát hành cổ phiếu hoặc vay trung hạn

b- Chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2026

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026 (Tỷ đồng)
Tổng doanh thu	7.700 tỷ
Trong đó doanh thu xuất khẩu	260 triệu USD
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.260 tỷ
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.070 tỷ
Cổ tức bằng tiền mặt	15%

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

a- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025 (Anh Cảnh thực hiện)

Chỉ tiêu kế hoạch	Kế hoạch 2025 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2025 (Tỷ đồng)	Thực hiện/Kế hoạch (%)
Doanh thu thuần	6.000	6.952	115%
Tổng lợi nhuận trước thuế	500	1.152	230%

Năm 2025, mặc dù đối mặt với nhiều thử thách nhưng các mặt hoạt động của công ty vẫn giữ ổn định và tăng trưởng. Các lĩnh vực hoạt động chính của công ty bao gồm chế biến thức ăn, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản đông lạnh, điện năng lượng mặt trời đều hoạt động có hiệu quả.

Kết quả kinh doanh đạt được là nhờ sự quyết tâm lao động hăng say của hơn 6000 CB-NV dưới sự lãnh đạo của Ban Tổng Giám đốc công ty; góp phần vào tăng trưởng và đóng góp nguồn thu ngân sách địa phương; góp phần vào sự phát triển chung của toàn ngành thủy sản.

b- Các công tác khác

-Công tác kiểm soát chi phí và tiết kiệm chi phí luôn được các đơn vị nghiệp vụ như kế toán, mua hàng, sản xuất, xuất nhập khẩu... quan tâm và theo sát tình hình chi phí trong hoạt động thông qua phân tích nguyên nhân làm chi phí tăng cao và giải pháp khắc phục; kiểm soát công việc giao nhận, xuất nhập hàng hóa ...

-Trong quản lý, công ty luôn phát triển, khai thác và ứng dụng phần mềm ERP quản lý sản xuất kinh doanh công ty, phân tích hiệu quả hoạt động.

-Thực hiện đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách do Nhà nước ban hành, tuân thủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán do nhà nước quy định, lưu trữ, sắp xếp tốt các

chứng từ, hồ sơ kế toán đáp ứng nhanh các yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước.

-Trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng: Công ty đã kiểm soát và tuân thủ việc bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định Cơ quan Nhà nước, luôn quan tâm tới thực hiện các hoạt động xã hội, cộng đồng tại địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

a- Về chỉ đạo, điều hành, giám sát, các hoạt động sản xuất kinh doanh

- Theo dõi, giám sát thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.
- Ban Tổng giám đốc luôn lấy hiệu quả kinh tế & lợi nhuận làm mục tiêu hành động, sâu sát với công việc, có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao, đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty.
- Đội ngũ lãnh đạo có tư duy tổng hợp, phân tích tìm ra những nguyên nhân yếu kém và các giải pháp cải tiến, khắc phục kịp thời những hạn chế trong điều hành, ngăn chặn thất thoát thiệt hại cho công ty.
- Gương mẫu chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định trong điều lệ Công ty, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.
- Thăng thấn nhìn nhận các khuyết điểm để cải tiến, điều hành quản lý tốt hơn.

b- Kết quả đạt được:

Trong tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, nhiều ngành nghề phải cắt giảm lao động, thậm chí ngưng sản xuất, nhưng Ban Giám đốc công ty vẫn điều hành tốt công việc được giao, giúp doanh thu đạt 115% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 230 % kế hoạch .

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tích cực tìm kiếm thêm các đối tác, khách hàng để mở rộng thị trường;
- Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra để đáp ứng các quy chuẩn của từng quốc gia;
- Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ cá tra, cá rô phi và quan tâm phát triển thị trường nội địa;
- Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, ứng dụng các thành tựu công nghệ và kỹ thuật vào sản xuất, quản lý để nâng cao năng suất;
- Tiếp tục áp dụng công nghệ cao để tự chủ về con giống cá tra, cá rô chất lượng cao;
- Tập trung nghiên cứu, khai thác hết tiềm năng sẵn có của công ty để tiết giảm chi phí tối đa và tăng nguồn thu cho công ty
- Tiếp tục tuyển dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa để đảm bảo yêu cầu phát triển ngày càng cao của công ty.

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên	Chức vụ tại Công ty Nam Việt	Số lượng cổ phần nắm giữ (Mã ANV)	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT	915.700	0,34%
2	Ông Doãn Tới	Phó Chủ tịch HĐQT	146.610.000	54,98%
3	Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên HĐQT	400.000	0,15%
4	Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	140.000	0,05%
5	Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên HĐQT Độc lập	0	0%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Trong năm 2025 không thành lập tiểu ban nào.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo, giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025
- Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự	Ghi chú
1	Doãn Tới	P.Chủ tịch HĐQT	20	100%		
2	Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT	20	100%		
3	Trần Minh Cảnh	Thành viên HĐQT	20	100%		
4	Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên HĐQT Độc lập	20	100%		
5	Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	20	100%		

Nội dung và kết quả của các cuộc họp Hội đồng Quản Trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	21/NQ-HĐQT	19/02/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty NVSL về Cty Nam Việt
2	26/NQ-HĐQT	07/03/2025	Nghị quyết HĐQT vv gia hạn thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025
3	23/NQ-HĐQT	28/02/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty ĐTDSL về Cty Nam Việt
4	35/NQ-HĐQT	24/03/2025	Nghị quyết HĐQT vv HĐTD với NH BPCE IOM
5	39/NQ-HĐQT	25/04/2025	Nghị quyết HĐQT vv tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025
6	43/NQ-HĐQT	05/05/2025	Nghị quyết HĐQT vv giải thể Công ty TNHH MTV phân bón hữu cơ Nam Việt
7	49/NQ-HĐQT	15/05/2025	Nghị quyết HĐQT vv vay vốn ngắn hạn, phát hành bảo lãnh và các hình thức tài trợ thương mại tại VCB-AG
8	57/NQ-HĐQT	08/07/2025	Nghị quyết HĐQT vv bổ sung ngành nghề kinh doanh
9	68/NQ-HĐQT	18/08/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty ADD về Cty Nam Việt
10	71/NQ-HĐQT	10/09/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty NVSL về Cty Nam Việt
11	74/NQ-HĐQT	03/09/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty NVBP về Cty Nam Việt
12	77/NQ-HĐQT	12/09/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty ĐTDSL về Cty Nam Việt
13	80/NQ-HĐQT	12/09/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty ADDSL về Cty Nam Việt
14	83/NQ-HĐQT	23/09/2025	Nghị quyết HĐQT vv vay vốn của Cty Nam Việt tại ngân hàng BIDV - CN Bắc An Giang
15	86/NQ-HĐQT	08/10/2025	Nghị quyết HĐQT vv chi trả cổ tức năm 2024 và tạm ứng cổ tức năm 2025
16	90/NQ-HĐQT	13/10/2025	Nghị quyết HĐQT vv gia hạn HĐTD của Cty Nam Việt tại ngân hàng BIDV - CN An Giang
17	93/NQ-HĐQT.2025	17/10/2025	Nghị quyết HĐQT vv thông qua việc vay vốn ngân hàng, phát hành bảo lãnh và các hình thức tài trợ thương mại khác tại ngân hàng VCB - CN An Giang
18	104/NQ-HĐQT	19/11/2025	Nghị quyết HĐQT vv vay vốn của Cty Nam Việt tại ngân hàng BIDV - CN An Giang

19	108/NQ-HĐQT	01/12/2025	Nghị quyết HĐQT vv miễn chức vụ Tổng giám đốc Cty AMICOGEN đối với ông Võ Thanh Hiệp và bổ nhiệm ông Trần Ánh giữ chức vụ Tổng giám đốc Cty AMICOGEN
20	113/NQ-HĐQT	31/12/2025	Nghị quyết HĐQT vv bổ nhiệm ông Doãn Chí Thiên giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc thường trực – Cty Nam Việt

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Tham gia dự họp đầy đủ các phiên họp của HĐQT, tham gia giám sát việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Ban Tổng giám đốc

- Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Trong năm không tham gia các chương trình đào tạo về quản trị doanh nghiệp.

2. Ban kiểm toán nội bộ:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm toán nội bộ:

STT	Thành viên Ban KTNB	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Tiến Dũng	Trưởng Ban	20	100%	
2	Dương Minh Phong	Thành viên	0	0%	Đi công tác

b. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ đối với HĐQT, Ban TGD:

- Tham dự các cuộc họp điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc công ty.

- Giám sát việc triển khai kế hoạch và thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2025.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh nhằm đảm bảo công ty hoạt động đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Giám sát trình tự thủ tục ban hành các văn bản pháp lý của HĐQT, Ban TGD và việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Kiểm soát các chế độ chính sách liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty.

- Kiểm soát việc thực hiện, chấp hành các quy trình, quy định của các phòng ban.

c. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm toán nội bộ đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Luôn luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết của HĐQT.

- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong các vấn đề thiếu sót trong quy trình

kiểm soát nội bộ tại các phòng ban, đề xuất các giải pháp cải thiện những thiếu sót trong quy trình nhằm ngày càng hoàn thiện các chế độ, chính sách, quy trình quy định, quy chế, góp phần nâng cao năng lực quản trị điều hành và hạn chế rủi ro trong các hoạt động của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị; Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán. (Diễn Thực hiện)

a. Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm toán:

Năm 2025		Thu nhập
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc		1.347.026.735
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc		238.231.735
Bà Dương Thị Kim Hương – Phó Tổng Giám đốc		67.252.735
Ông Trần Minh Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc		1.358.938.735
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc		1.224.362.735
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó Tổng Giám đốc		106.964.735
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên ủy ban kiểm toán		1.035.778.735
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm – Kế toán trưởng		576.644.810
Ông Lê Tiến Dũng – Trưởng ban kiểm toán nội bộ		329.998.735
Ông Dương Minh Phong – Thành viên ban kiểm toán nội bộ		209.814.112
Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán		90.000.000
Cộng		6.585.013.802

a. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Doãn Tới	Phó Chủ tịch HĐQT-TGD	143.610.000	53,85%	146.610.000	54,98%	Mua CP tăng tỷ lệ sở hữu

2	Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT- Phó TGD	938.000	0,35%	915.700	0,34%	Bán giải quyết nhu cầu cá nhân
3	Trần Minh Cảnh	TV HĐQT- Phó Tổng giám đốc	500.000	0,19%	400.000	0,15%	Bán giải quyết nhu cầu cá nhân
4	Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	140.000	0,05%	140.000	0,05%	
5	Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên HĐQT Độc lập	0	0%	0	0%	
6	Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	900.000	0,34%	900.000	0,34%	
7	Nguyễn Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc	677.000	0,25%	711.200	0,27%	Mua tăng sở hữu
9	Nguyễn Hà Thu Diễm	Kế toán trưởng	15.000	0,005%	15.000	0,005%	
10	Dương Minh Phong	Thành viên Ban KTNB	10.000	0,003%	0	0%	Bán giải quyết nhu cầu cá nhân

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: tính từ 01/01/2025 đến 31/12/2025:

STT	Bên A	Bên B	NỘI DUNG GIAO DỊCH
1	Công ty CP Nam Việt	Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Bán thành phẩm, cho thuê
	Công ty CP Nam Việt	Công ty TNHH Đại Tây Dương	Mua tài sản
			Thuê kho, tiền điện
			Phí sử dụng hạ tầng
3	Công ty CP Nam Việt	Doãn Tới	Công ty chia cổ tức
4	Công ty CP Nam Việt	Doãn Chí Thanh	Công ty chia cổ tức

STT	Bên A	Bên B	NỘI DUNG GIAO DỊCH
5	Công ty CP Nam Việt	Doãn Chí Thiên	Công ty chia cổ tức
6	Công ty CP Nam Việt	Đỗ Lập Nghiệp	Công ty chia cổ tức
7	Công ty CP Nam Việt	Nguyễn Văn Vỹ	Công ty chia cổ tức
8	Công ty CP Nam Việt	Nguyễn Thanh Liêm	Công ty chia cổ tức, Tiền thuê đất
9	Công ty CP Nam Việt	Trần Minh Cảnh	Công ty chia cổ tức
10	Công ty CP Nam Việt	Nguyễn Hà Thu Diễm	Công ty chia cổ tức
11	Công ty CP Nam Việt	Đỗ Thị Thanh Thủy	Công ty chia cổ tức

d.Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Về quản trị Công ty thực hiện theo các Quy định của pháp luật, luôn công khai, minh bạch, có hiệu quả.

F.BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Được trình bày ở phụ lục đính kèm)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Doãn Chí

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 43
8. Phụ lục	44 - 46



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 23 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : +84 (0296) 3834060
- Fax : +84 (0296) 3834054

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau đây:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất dầu Bio-diesel. Chi tiết: Chế biến dầu cá và bột cá;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin (nguyên liệu để sản xuất vỏ con nhộng chứa thuốc);
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm và nhà kho, trung tâm thương mại;
- Trồng lúa.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Doãn Tới	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2007
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2022
Ông Doãn Chí Thiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020).

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Trần Minh Cảnh - Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-KTTC ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



CHỦ TỊCH

Đỗ Lập Nghiệp

Ngày 24 tháng 3 năm 2026



Số: 1.0471/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A&C**

Hoàng Thái Vương

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

Phan Vũ Công Bá

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2026

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities .



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.476.485.727.551	2.585.543.414.472
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.722.178.140	219.090.199.195
1. Tiền	111		34.061.077.001	53.490.199.195
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.661.101.139	165.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		602.446.094.366	56.058.725.174
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	602.446.094.366	56.058.725.174
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.258.074.587.441	551.733.574.259
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.044.635.313.575	517.702.281.862
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	190.812.192.261	47.959.359.882
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	216.014.506	234.718.093
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	58.982.267.280	27.278.200.658
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(36.571.200.181)	(44.138.865.762)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	2.697.879.526
IV. Hàng tồn kho	140		1.421.516.166.777	1.653.282.219.581
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.437.598.361.571	1.683.573.590.902
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(16.082.194.794)	(30.291.371.321)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		148.726.700.827	105.378.696.263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	48.268.943.817	30.128.189.519
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		100.457.757.010	75.250.506.744
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.348.229.739.323	2.276.727.103.433
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		34.470.215.000	67.348.629.277
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	38.300.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	34.470.215.000	67.310.329.277
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.102.107.620.611	1.073.395.596.112
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	489.153.088.550	311.948.526.359
- Nguyên giá	222		1.725.558.194.119	1.453.709.267.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.236.405.105.569)	(1.141.760.741.466)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	279.037.917.629	421.782.092.255
- Nguyên giá	225		384.853.529.281	521.881.145.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(105.815.611.652)	(100.099.053.250)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	333.916.614.432	339.664.977.498
- Nguyên giá	228		375.235.022.868	375.235.022.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.318.408.436)	(35.570.045.370)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		446.571.890.566	974.419.923.154
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	446.571.890.566	974.419.923.154
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		68.601.470.338	67.794.651.510
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	61.660.931.313	60.892.542.473
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20.304.000.000	20.304.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(13.363.460.975)	(13.401.890.963)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		696.478.542.808	93.768.303.380
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	691.559.598.284	86.306.890.066
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	4.918.944.524	7.461.413.314
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.824.715.466.874	4.862.270.517.905

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.297.846.759.468	2.068.623.925.072
I. Nợ ngắn hạn	310		2.230.874.234.646	1.943.670.022.007
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	315.489.462.981	150.196.745.195
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	27.412.520.128	33.112.132.226
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	151.281.511.184	33.049.349.555
4. Phải trả người lao động	314	V.18	87.358.582.685	49.539.215.353
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	29.012.941.756	17.156.150.464
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.678.118.897	1.537.890.276
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	18.019.966.812	34.132.742.479
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.600.292.650.898	1.624.469.317.154
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	328.479.305	476.479.305
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		66.972.524.822	124.953.903.065
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.23	12.019.722.618	12.582.066.570
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	53.171.320.060	110.561.009.109
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	1.781.482.144	1.810.827.386
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

8736
CÔNG TY
PHẦN
VIỆT
NAM - T. ANS - C
TNHH
TỰ V
C
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.526.868.707.406	2.793.646.592.833
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.526.868.707.406	2.793.646.592.833
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	2.666.675.000.000	2.666.675.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.666.675.000.000	2.666.675.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	21.489.209.100	21.489.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.25	(27.587.629.848)	(27.587.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	866.292.128.154	133.070.013.581
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	133.070.013.581
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		866.292.128.154	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.824.715.466.874	4.862.270.517.905

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.992.490.669.181	4.939.111.900.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	40.982.410.816	27.845.927.857
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6.951.508.258.365	4.911.265.972.913
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	5.328.575.951.004	4.350.893.868.111
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.622.932.307.361	560.372.104.802
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	50.364.302.461	32.616.939.987
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	73.622.297.697	103.483.384.141
Trong đó: chi phí lãi vay	23		68.099.345.481	91.346.541.557
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	768.388.840	(4.085.674.940)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	378.621.556.607	280.323.845.208
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	71.899.249.428	85.814.451.161
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.149.921.894.930	119.281.689.339
12. Thu nhập khác	31	VI.8	6.025.292.945	15.229.153.460
13. Chi phí khác	32	VI.9	3.657.469.025	55.997.256.641
14. Lợi nhuận khác	40		2.367.823.920	(40.768.103.181)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.152.289.718.850	78.513.586.158
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	150.298.730.729	25.509.970.957
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14, V.24	2.513.123.548	5.171.441.554
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>999.477.864.573</u>	<u>47.832.173.647</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		999.477.864.573	47.832.173.647
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>3.754</u>	<u>179</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>3.754</u>	<u>179</u>


 Nguyễn Hà Thu Diễm
 Kế toán trưởng/Người lập

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2026

 Trần Minh Cảnh
 Phó Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.152.289.718.850	78.513.586.158
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, 11, 12	135.102.161.803	117.193.982.583
- Các khoản dự phòng	03	V.2c, 7, 8	(19.576.756.428)	20.591.695.781
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(381.523.648)	(2.037.461.303)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, VI.4, 9	(13.342.816.402)	(4.019.590.289)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	68.099.345.481	91.346.541.557
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.322.190.129.656	301.588.754.487
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(671.147.701.249)	(173.206.171.645)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		245.975.229.331	680.091.249.032
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		191.378.967.750	65.444.718.352
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.664.198.531	272.132.362
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, 20, VI.5	(68.021.263.429)	(92.533.025.443)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(28.894.429.522)	(53.040.181.419)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(148.000.000)	(218.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		997.997.131.068	728.399.475.726
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, 13, VII	(282.278.530.114)	(160.728.874.784)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	23.112.245.647	29.366.138.076
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a, 5	(865.151.953.456)	(88.473.954.610)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a, 5	318.821.587.851	105.527.637.073
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a, VI.4	8.487.289.376	3.356.215.192
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(797.009.360.696)	(110.952.839.053)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	4.719.501.707.485	4.181.758.416.331
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(4.679.064.554.609)	(4.380.565.057.550)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(149.611.960.765)	(131.423.355.485)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, 25	(266.079.046.000)	(108.135.816.893)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(375.253.853.889)</i>	<i>(438.365.813.597)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(174.266.083.517)</i>	<i>179.080.823.076</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	V.1	<i>219.090.199.195</i>	<i>39.671.072.278</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>898.062.462</i>	<i>338.303.841</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	V.1	<i>45.722.178.140</i>	<i>219.090.199.195</i>



Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng lượng mặt trời; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn năm nay tăng trưởng đáng kể so với năm trước, chủ yếu do sản lượng xuất khẩu sang thị trường châu Mỹ gia tăng mạnh.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ (đầu năm có 07 công ty con). Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Lô 4A Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Lô 4A, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn thủy sản	100%	100%	100%	100%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6b. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất collagen, genlatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50% (số đầu năm là 50%).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cost của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cost của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cost được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 18

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



0168
NG
CP
M
UYÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và được Hội đồng quản trị thông báo chia cổ tức.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận chỉ số điện giữa Tập đoàn và Điện lực.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.525.654.580	397.752.286
Tiền gửi ngân hàng	32.535.422.421	53.092.446.909
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	11.661.101.139	165.600.000.000
Cộng	45.722.178.140	219.090.199.195



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a) và khoản mở thư tín dụng của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

Các khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 246.246.094.366 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited (xem thuyết minh số V.21a) và khoản mở thư tín dụng của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	69.240.000.000	69.240.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(7.579.068.687)	(8.347.457.527)
Cộng	<u>61.660.931.313</u>	<u>60.892.542.473</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư 69.240.000.000 VND tương đương 50% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	60.892.542.473	64.978.217.413
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	768.388.840	(4.085.674.940)
Số cuối năm	<u>61.660.931.313</u>	<u>60.892.542.473</u>

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt hoạt động bình thường.

Giao dịch với công ty liên doanh

Trong năm, Tập đoàn phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Amicogen Nam Việt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê	115.740.744	248.740.744
Doanh thu bán thành phẩm	24.423.533.200	10.845.309.000
Mua nguyên vật liệu	3.149.933.867	1.306.980.268
Chi phí lò hơi	1.170.438.720	487.593.238

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn đầu tư 2.030.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa, chiếm tỷ lệ 5,08% vốn điều lệ của công ty này.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	13.401.890.963	13.465.774.820
Hoàn nhập dự phòng	(38.429.988)	(63.883.857)
Số cuối năm	13.363.460.975	13.401.890.963

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	5.659.459.041	3.655.519.681
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	5.659.459.041	3.180.129.815
Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	475.389.866
Phải thu các khách hàng khác	1.038.975.854.534	514.046.762.181
Các khách hàng nước ngoài	938.442.259.419	436.920.041.958
Các khách hàng trong nước	100.533.595.115	77.126.720.223
Cộng	1.044.635.313.575	517.702.281.862

Khoản phải thu có giá trị 210.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.21a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp nước ngoài	10.460.202.591	1.673.934.815
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	113.637.465.169	23.879.273.651
Các nhà cung cấp trong nước khác	66.714.524.501	22.406.151.416
Cộng	190.812.192.261	47.959.359.882

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho vay các cá nhân.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	4.022.784.981	-	4.188.801.441	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.936.187.183	-	873.202.635	-
Lãi cho vay dự thu	9.688.596	-	5.648.667	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	28.718.955.703	-	135.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	21.294.650.817	(905.633.550)	22.075.547.915	(949.133.550)
Cộng	58.982.267.280	(905.633.550)	27.278.200.658	(949.133.550)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	34.470.215.000	-	67.038.885.277	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	-	271.444.000	-
Cộng	34.470.215.000	-	67.310.329.277	-

7. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng	39.608.793.101	3.943.226.470		49.916.635.481	8.965.418.937
Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	7.608.900.000	5.326.230.000
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	7.608.900.000	3.804.450.000	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	462.588.234	231.294.117
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	462.588.234	138.776.470	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	36.642.622.500	3.407.894.820
Từ 03 năm trở lên	31.537.304.867	-	Từ 03 năm trở lên	5.202.524.747	-
Phải thu khác	921.633.550	16.000.000		4.163.013.076	975.363.858
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	20.000.000	10.000.000	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	20.000.000	10.000.000
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	20.000.000	6.000.000	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	3.217.879.526	965.363.858
Từ 03 năm trở lên	881.633.550	-	Từ 03 năm trở lên	925.133.550	-
Cộng	40.530.426.651	3.959.226.470		54.079.648.557	9.940.782.795

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	44.138.865.762	42.315.950.065
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(5.329.149.913)	7.230.262.341
Xóa nợ	(2.238.515.668)	(5.407.346.644)
Số cuối năm	36.571.200.181	44.138.865.762

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	4.841.846.100	-	3.449.972.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	663.619.207.958	-	607.195.955.131	-
Công cụ, dụng cụ	10.512.892.477	-	7.140.585.586	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	233.078.045.587	-	499.977.909.657	-
Thành phẩm	525.540.515.674	(16.082.194.794)	522.819.395.820	(28.881.245.993)
Hàng hóa	5.853.775	-	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-	42.989.772.708	(1.410.125.328)
Cộng	1.437.598.361.571	(16.082.194.794)	1.683.573.590.902	(30.291.371.321)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hàng tồn kho có trị giá 243.816.319.587 VND (số đầu năm là 421.640.622.017 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh số V.21a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	30.291.371.321	16.866.054.024
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(14.209.176.527)	13.425.317.297
Số cuối năm	<u>16.082.194.794</u>	<u>30.291.371.321</u>

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	-	1.068.733.336
Công cụ, dụng cụ	8.559.910.437	4.879.334.877
Chi phí sửa chữa	10.092.984.914	8.154.709.610
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.616.048.466	16.025.411.696
Cộng	<u>48.268.943.817</u>	<u>30.128.189.519</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	636.111.560.217	50.594.830.814
Công cụ, dụng cụ	10.328.876.918	860.613.903
Chi phí sửa chữa	12.761.514.667	13.217.785.789
Khoản lỗ của tài sản bán và thuê lại	14.848.920.628	16.215.598.813
Các chi phí trả trước dài hạn khác	17.508.725.854	5.418.060.747
Cộng	<u>691.559.598.284</u>	<u>86.306.890.066</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tăng giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	433.251.208.386	88.629.937.119	521.881.145.505
Thuê tài chính trong năm	-	28.592.641.818	28.592.641.818
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(165.620.258.042)	-	(165.620.258.042)
Số cuối năm	<u>267.630.950.344</u>	<u>117.222.578.937</u>	<u>384.853.529.281</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	93.809.958.133	6.289.095.117	100.099.053.250
Khấu hao trong năm	36.823.889.069	18.879.602.790	55.703.491.859
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(49.986.933.457)	-	(49.986.933.457)
Số cuối năm	<u>80.646.913.745</u>	<u>25.168.697.907</u>	<u>105.815.611.652</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	339.441.250.253	82.340.842.002	421.782.092.255
Số cuối năm	<u>186.984.036.599</u>	<u>92.053.881.030</u>	<u>279.037.917.629</u>

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
Số cuối năm	<u>374.954.031.868</u>	<u>280.991.000</u>	<u>375.235.022.868</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.952.117	280.991.000	2.485.943.117
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	35.289.054.370	280.991.000	35.570.045.370
Khấu hao trong năm	5.748.363.066	-	5.748.363.066
Số cuối năm	<u>41.037.417.436</u>	<u>280.991.000</u>	<u>41.318.408.436</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	339.664.977.498	-	339.664.977.498
Số cuối năm	<u>333.916.614.432</u>	<u>-</u>	<u>333.916.614.432</u>
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 93.201.995.356 VND (số đầu năm là 95.647.250.410 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV HSBC và Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh số V.21a).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	83.197.310.003	109.364.600.326	(47.032.792.165)	-	145.529.118.164
Thuê tài chính	12.772.851.000	-	(6.000.000.000)	-	6.772.851.000
Xây dựng cơ bản dở dang	874.160.445.847	83.096.540.194	(35.879.185.690)	(631.226.475.759)	290.151.324.592
Dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú	649.047.446.813	59.229.451.643	(31.783.320.542)	(630.317.727.020)	46.175.850.894
Tiền mua đất ⁽⁶⁾	614.923.710.739	15.156.619.308	-	(630.057.661.047)	22.669.000
Chi phí xây dựng các hạng mục công trình	29.328.008.448	36.979.169.778	(22.783.429.121)	(260.065.973)	43.263.683.132
Chi phí đào ao	4.795.727.626	7.093.662.557	(8.999.891.421)	-	2.889.498.762
Dự án các khu nuôi trồng thủy sản khác - Đất	209.428.754.654	-	-	-	209.428.754.654

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	4.062.537.873	12.124.237.853	(187.442.798)	(20.346.838)	15.978.986.090
Nhà máy chế biến thức ăn	3.609.290.241	6.391.059.602	(3.753.654.911)	(471.653.256)	5.775.041.676
Các hạng mục khác	8.012.416.266	5.351.791.096	(154.767.439)	(416.748.645)	12.792.691.278
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	<i>4.289.316.304</i>	<i>8.769.435.084</i>	<i>(517.779.795)</i>	<i>(8.422.374.783)</i>	<i>4.118.596.810</i>
Cộng	974.419.923.154	201.230.575.604	(89.429.757.650)	(639.648.850.542)	446.571.890.566

(i) Tập đoàn mua lại quyền sử dụng đất của các hộ dân. Quyền sử dụng đất đã chuyển sang tên của các cá nhân được Tập đoàn ủy quyền. Trong năm, quyền sử dụng đất có giá trị là 630.057.661.047 VND được chuyển sang chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào chi phí.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.461.413.314	11.738.233.698
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(2.542.468.790)	(4.276.820.384)
Số cuối năm	4.918.944.524	7.461.413.314

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% - 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>14.543.625.576</i>	<i>5.701.818.145</i>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	14.543.625.576	5.701.818.145
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>300.945.837.405</i>	<i>144.494.927.050</i>
Các nhà cung cấp trong nước	266.321.608.693	129.963.073.813
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	23.479.394.639	13.722.716.736
Các nhà cung cấp nước ngoài	11.144.834.073	809.136.501
Cộng	315.489.462.981	150.196.745.195

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	10.302.268.109	6.304.285.859
Các khách hàng nước ngoài	17.110.252.019	26.807.846.367
Cộng	27.412.520.128	33.112.132.226



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.343.385.097	13.134.030.756	(15.145.026.322)	332.389.531
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.312.315.446	(3.312.315.446)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	886.719.621	(886.719.621)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	28.960.212.173	150.298.730.729	(28.894.429.522)	150.364.513.380
Thuế thu nhập cá nhân	1.611.853.235	16.901.428.930	(18.071.894.458)	441.387.707
Thuế tài nguyên	13.382.384	159.149.948	(158.128.432)	14.403.900
Tiền thuê đất	120.516.666	72.310.000	(72.310.000)	120.516.666
Các loại thuế khác	-	198.037.624	(197.597.624)	440.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.860.000	-	7.860.000
Cộng	33.049.349.555	184.970.583.054	(66.738.421.425)	151.281.511.184

(*) Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt do bị Thuế TP. Cần Thơ truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước liên quan đến việc loại trừ chi phí mua hàng của cá nhân không kinh doanh.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	
+ Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	Không chịu thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho tổ chức	Không kê khai tính thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho cá nhân	5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác ⁽ⁱ⁾	10%

(i) Năm 2025, các công ty trong Tập đoàn được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% cho một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2025 trở đi, Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo từng hoạt động sau:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm đầu tiên Tập đoàn có thu nhập từ hoạt động này.
- Thu nhập từ hoạt động nuôi trồng trong địa bàn khó khăn được áp dụng thuế suất 10%.
- Thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15%.
- Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Nam Việt	106.352.009.771	64.093.258
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	30.699.381.950	6.349.294.282
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	2.315.991.619	7.431.637.854
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	3.280.880.932	3.139.239.658
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	428.971.755	406.007.893
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	468.251.105	447.543.557
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	708.685	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	6.752.534.912	7.672.154.455
Cộng	<u>150.298.730.729</u>	<u>25.509.970.957</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 5.000 VND/m³ x 8%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và các khoản chi cuối năm còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	3.794.553.438	2.833.026.604
Chi phí cước tàu	2.371.292.300	2.189.774.970
Chi phí hoa hồng môi giới	16.626.896.221	8.822.371.844
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.220.199.797	3.310.977.046
Cộng	<u>29.012.941.756</u>	<u>17.156.150.464</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	14.966.219.180
Công ty TNHH Đại Tây Dương - thu hộ	-	14.966.219.180
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	18.019.966.812	19.166.523.299
Lãi vay phải trả	-	883.444.782
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	10.274.547.167	9.686.532.387
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	937.530.000	1.508.480.000
Cổ tức phải trả	2.300.332.899	2.123.628.899
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.507.556.746	4.964.437.231
Cộng	<u>18.019.966.812</u>	<u>34.132.742.479</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	1.548.827.710.943	1.487.952.036.593
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	483.453.594.843	388.182.461.381
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)	399.309.034.549	299.585.856.489
Ngân hàng TMCP Quân đội ^(c)	182.521.800.218	37.044.376.661
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited ^(d)	134.718.296.606	191.168.900.860
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) ^(e)	107.244.230.252	156.306.667.506
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ^(f)	92.573.115.975	85.111.599.951
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ^(g)	83.743.892.500	45.084.546.620
Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(h)	65.263.746.000	9.676.568.075
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	-	159.287.911.290
Ngân hàng Đại chúng TNHH KasikornBank	-	116.503.147.760
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</i>	-	4.315.308.210
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)</i>	-	9.999.999.996
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)</i>	51.464.939.955	122.201.972.355
Cộng	<u>1.600.292.650.898</u>	<u>1.624.469.317.154</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) của Tập đoàn.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu (xem thuyết minh số V.3) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) của Tập đoàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) của Tập đoàn.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TNHH The Siam Commercial Bank Public Company Limited để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) và bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mẹ bảo lãnh (xem thuyết minh số VIII.1a).
- (e) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mẹ bảo lãnh (xem thuyết minh số VIII.1a).
- (f) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a), và khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) của Tập đoàn.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a), bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mẹ và Ông Doãn Chí Thiên – Phó Tổng Giám đốc Công ty mẹ (xem thuyết minh số VIII.1a).
- (h) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.1) của Tập đoàn.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm được trình bày tại Phụ lục 02 đính kèm.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	-	6.666.666.684
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	-	6.666.666.684
Vay dài hạn cá nhân ⁽¹⁾	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	53.021.320.060	103.744.342.425
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	-	18.356.051.973
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn	17.770.096.711	36.580.322.774

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị	-	1.061.632.630
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	12.868.526.428	14.725.217.047
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumi Trust để mua sắm tài sản cố định	22.382.696.921	33.021.118.001
Cộng	53.171.320.060	110.561.009.109

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Tổng nợ
Số cuối năm			
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	51.464.939.955	53.021.320.060	104.486.260.015
Cộng	51.464.939.955	53.171.320.060	104.636.260.015
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	9.999.999.996	6.666.666.684	16.666.666.680
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	122.201.972.355	103.744.342.425	225.946.314.780
Cộng	132.201.972.351	110.561.009.109	242.762.981.460

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	6.666.666.684	-	(6.666.666.684)	-	-
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Nợ thuê tài chính	103.744.342.425	28.151.906.000	(15.842.841.169)	(63.032.087.196)	53.021.320.060
Cộng	110.561.009.109	28.151.906.000	(22.509.507.853)	(63.032.087.196)	53.171.320.060

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	312.848.145	(148.000.000)	164.848.145
Cộng	476.479.305	(148.000.000)	328.479.305



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh do giao dịch với công ty liên doanh.

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến xử lý khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.810.827.386	916.206.216
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(29.345.242)	894.621.170
Số cuối năm	<u>1.781.482.144</u>	<u>1.810.827.386</u>

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày tại Phụ lục 03 đính kèm.

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Doãn Tới	1.466.100.000.000	1.436.100.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	295.288.000.000	343.200.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	1.419.980.000	1.419.980.000
Các cổ đông khác	899.749.520.000	881.837.520.000
Cộng	<u>2.662.557.500.000</u>	<u>2.662.557.500.000</u>

25c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	266.667.500	266.667.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	266.667.500	266.667.500
- Cổ phiếu phổ thông	266.667.500	266.667.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	266.255.750	266.255.750
- Cổ phiếu phổ thông	266.255.750	266.255.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 5%/mệnh giá và tạm ứng cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 5%/mệnh giá tương đương tổng số tiền là 266.255.750.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 54/NQ.ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 86/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 10 năm 2025.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

26a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	563.540,44	99.651,07
Euro (EUR)	2.802,97	2.821,04
Dollar Úc (AUD)	153,16	772,28
Rub Nga (RUB)	1.629,59	2.952,31

26b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	9.718.204,85	188.579.975.866	9.718.204,85	188.579.975.866
Khách hàng trong nước		24.892.800.723		21.844.921.197
Cộng		213.472.776.589		210.424.897.063

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	6.837.221.402.339	4.813.410.742.803
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	100.083.776.259	109.284.916.207
Doanh thu khác	55.185.490.583	16.416.241.760
Cộng	6.992.490.669.181	4.939.111.900.770

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh được trình bày tại thuyết minh số V.2b, Tập đoàn chi phát sinh các giao dịch về bán điện năng lượng mặt trời cho Công ty TNHH Đại Tây Dương với số tiền là 1.293.458.001 VND (năm trước là 8.962.158.679 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	19.042.807.397	24.105.102.510
Giảm giá hàng bán	21.939.603.419	3.740.825.347
Cộng	40.982.410.816	27.845.927.857

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.003.711.975.495	4.298.128.485.361
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	32.030.013.128	31.899.176.681
Giá vốn khác	307.043.138.908	7.440.888.772
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.209.176.527)	13.425.317.297
Cộng	5.328.575.951.004	4.350.893.868.111



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	12.489.037.029	2.806.659.149
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.571.372	23.733.325
Lãi tiền cho vay	65.276.824	94.476.765
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	27.203.694.132	24.548.888.994
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	381.523.648	2.037.461.303
Lãi bán hàng trả chậm	10.050.670.369	2.925.259.950
Doanh thu hoạt động tài chính khác	144.529.087	180.460.501
Cộng	<u>50.364.302.461</u>	<u>32.616.939.987</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	68.099.345.481	91.346.541.557
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.160.584.848	11.942.094.710
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(38.429.988)	(63.883.857)
Chi phí tài chính khác	400.797.356	258.631.731
Cộng	<u>73.622.297.697</u>	<u>103.483.384.141</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.592.382.141	7.225.514.532
Chi phí vật liệu, bao bì	274.334.595	285.751.316
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.919.889.086	1.024.473.709
Chi phí hoa hồng	71.005.646.589	45.268.938.135
Chi phí vận chuyển	196.081.960.280	162.985.443.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.591.391.647	54.816.005.579
Các chi phí khác	13.155.952.269	8.717.718.382
Cộng	<u>378.621.556.607</u>	<u>280.323.845.208</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	45.999.847.995	45.439.967.507
Chi phí vật liệu quản lý	1.604.227.154	1.445.006.897
Chi phí đồ dùng văn phòng	702.416.767	621.568.315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.359.259.591	4.741.270.671
Thuế, phí và lệ phí	5.790.748.875	4.936.885.261
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(5.329.149.913)	7.230.262.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.992.999.894	7.896.280.733
Các chi phí khác	13.778.899.065	13.503.209.436
Cộng	<u>71.899.249.428</u>	<u>85.814.451.161</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	20.113.709	5.211.675.696
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.924.406.173	-
Xử lý công nợ tồn lâu	714.512.929	2.797.151.990
Xử lý kiểm kê thừa	-	4.706.779.505
Thu nhập khác	2.366.260.134	2.513.546.269
Cộng	<u>6.025.292.945</u>	<u>15.229.153.460</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, truy thu	-	8.411.923.957
Phạt vi phạm hành chính	1.033.748.527	2.661.882.241
Xử lý công nợ tồn lâu	1.192.630.080	19.028.835.236
Hoàn trả tiền ưu đãi được hưởng	-	23.000.000.000
Chi phí hàng hóa bị hư hỏng	-	2.294.918.784
Chi phí khác	1.431.090.418	599.696.423
Cộng	<u>3.657.469.025</u>	<u>55.997.256.641</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	999.477.864.573	47.832.173.647
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(300.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	999.477.864.573	47.532.173.647
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	266.255.750	266.255.750
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>3.754</u>	<u>179</u>

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.030.312.602.428	1.995.214.846.903
Chi phí nhân công	864.753.328.362	698.773.521.433
Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.102.161.803	117.193.982.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.327.807.179.031	936.689.213.006
Chi phí khác	105.198.673.852	91.358.687.649
Cộng	<u>5.463.173.945.476</u>	<u>3.839.230.251.574</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	22.592.641.818	123.798.683.299
Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	2.559.264.182	11.992.322.208
Tạm nhập tài sản thuê tài chính chưa giải ngân	-	3.000.000.000
Nhận nợ thuê tài chính cho tài sản nhập năm trước	3.000.000.000	896.000.000

Số dư các khoản công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua tài sản cố định	11.457.232.693	10.547.810.346
Trả trước tiền mua tài sản cố định	34.079.543.883	17.414.896.303

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên chủ chốt		
Ông Doãn Tới		
Chia cổ tức	146.610.000.000	35.902.500.000
Các thành viên chủ chốt khác		
Tạm ứng	1.557.999.000	742.890.000
Chia cổ tức	3.105.800.000	800.250.000
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Ông Doãn Chí Thanh		
Chia cổ tức	29.528.800.000	8.580.000.000
Ông Doãn Chí Thiên		
Tạm ứng	-	100.000.000
Chia cổ tức	141.998.000	35.499.500



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam), Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam và Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited (xem thuyết minh số V.21a).

Ông Doãn Chí Thiên dùng tài sản cá nhân bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xem thuyết minh số V.21a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt, Ủy ban kiểm toán và Ban kiểm toán nội bộ

	Cộng thu nhập
Năm nay	
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.347.026.735
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	238.231.735
Bà Dương Thị Kim Hương – Phó Tổng Giám đốc	67.252.735
Ông Trần Minh Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.358.938.735
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc	1.224.362.735
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó Tổng Giám đốc	106.964.735
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên ủy ban kiểm toán	1.035.778.735
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm – Kế toán trưởng	576.644.810
Ông Lê Tiến Dũng – Trưởng ban kiểm toán nội bộ	329.998.735
Ông Dương Minh Phong – Thành viên ban kiểm toán nội bộ	209.814.112
Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	90.000.000
Cộng	<u>6.585.013.802</u>
Năm trước	
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.171.749.627
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	228.756.000
Bà Dương Thị Kim Hương – Phó Tổng Giám đốc	108.756.000
Ông Trần Minh Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.166.513.746
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc	919.292.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên ủy ban kiểm toán	576.705.000
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm – Kế toán trưởng	474.765.277
Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	50.000.000
Ông Dương Minh Phong – Thành viên ban kiểm toán nội bộ	324.918.000
Ông Lê Tiến Dũng – Trưởng ban kiểm toán nội bộ	178.055.000
Cộng	<u>5.199.510.650</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 Núi	Công ty do Phó Tổng Giám đốc Công ty mẹ thành lập

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Thuê kho	72.122.228.316	41.068.474.870
Phí sử dụng hạ tầng	1.165.324.507	1.254.726.255
Mua tài sản	4.220.156.960	267.370.000
Thu hộ tiền điện, chi phí khác	9.349.271.913	45.701.746.621
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 Núi		
Mua vật tư	-	31.640.400

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.15 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	5.194.506.790.201	3.209.981.791.417
Trong nước	1.757.001.468.164	1.701.284.181.496
Cộng	6.951.508.258.365	4.911.265.972.913

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất chế biến thủy sản chiếm tỷ lệ 98% trên tổng doanh thu của Tập đoàn (năm trước 98%).

3. Số liệu so sánh

Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt do bị Thuế TP. Cần Thơ truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước liên quan đến việc loại trừ chi phí mua hàng của cá nhân không kinh doanh. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	30.002.116.119	3.047.233.436	33.049.349.555
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	136.117.247.017	(3.047.233.436)	133.070.013.581

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Số đầu năm	382.299.972.725	795.879.124.002	136.812.633.763	21.320.621.079	117.396.916.256	1.453.709.267.825
Mua trong năm	-	80.336.560.496	38.482.058.071	3.098.092.370	-	121.916.710.937
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.244.482.283	10.181.195.300	2.507.545.381	-	8.463.742.521	36.396.965.485
Mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	165.620.258.042	-	-	-	165.620.258.042
Thanh lý, nhượng bán	(2.602.307.546)	(26.409.610.381)	(22.953.561.111)	-	(62.818.182)	(52.028.297.220)
Phân loại lại	-	-	-	-	(56.710.950)	(56.710.950)
Số cuối năm	394.942.147.462	1.025.607.527.459	154.848.676.104	24.418.713.449	125.741.129.645	1.725.558.194.119
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	257.479.681.904	461.479.866.841	58.200.453.833	7.900.816.631	27.620.684.975	812.681.504.184
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	323.703.661.055	641.098.275.620	100.446.093.214	14.792.441.198	61.720.270.379	1.141.760.741.466
Khấu hao trong năm	11.179.665.107	39.392.881.738	13.373.393.103	2.213.889.884	7.490.477.046	73.650.306.878
Mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	49.986.933.457	-	-	-	49.986.933.457
Thanh lý, nhượng bán	(2.602.307.546)	(25.216.783.991)	(1.054.255.563)	-	(62.818.182)	(28.936.165.282)
Phân loại lại	-	-	-	-	(56.710.950)	(56.710.950)
Số cuối năm	332.281.018.616	705.261.306.824	112.765.230.754	17.006.331.082	69.091.218.293	1.226.405.105.569
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	58.596.311.670	154.780.848.382	36.366.540.549	6.528.179.881	55.676.645.877	311.948.526.359
Số cuối năm	62.661.128.846	320.346.220.635	42.083.445.350	7.412.382.367	56.649.911.352	489.153.088.550
<i>Trong đó:</i>						
Tam thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

(Handwritten signature)

Nguyễn-Hết Thu Diễm
 Kế toán trưởng/Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.487.952.036.593	4.719.501.707.485	-	(4.658.082.579.719)	(543.453.416)	1.548.827.710.943
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	4.315.308.210	-	-	(4.315.308.210)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	9.999.999.996	-	-	(9.999.999.996)	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	122.201.972.355	-	63.032.087.196	(133.769.119.596)	-	51.464.939.955
Cộng	1.624.469.317.154	4.719.501.707.485	63.032.087.196	(4.806.167.007.521)	(543.453.416)	1.600.292.650.898

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

45



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.335.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.486.427.760.870	2.815.725.590.122
Điều chỉnh do truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(3.047.233.436)	(3.047.233.436)
Số dư đầu năm trước được trình bày lại	1.335.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.483.380.527.434	2.812.678.356.686
Phát hành cổ phiếu trong năm trước	1.331.278.750.000	-	-	(1.331.278.750.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	47.832.173.647	47.832.173.647
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(66.563.937.500)	(66.563.937.500)
Số dư cuối năm trước	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	133.070.013.581	2.793.646.592.833
Số dư đầu năm nay	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	133.070.013.581	2.793.646.592.833
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	999.477.864.573	999.477.864.573
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(266.255.750.000)	(266.255.750.000)
Số dư cuối năm nay	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	866.292.128.154	3.526.868.707.406

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2026



(Handwritten signature)

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc



Số/No.: 160 /CV-KTTC

An Giang, ngày 24 tháng 03 năm 2026
An Giang, dated March 24, 2026

*Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
hợp nhất năm 2025 so với cùng kỳ năm trước,
và điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024"*

*Ref: "Explanation of the difference in consolidated net profit for the year 2025 compared to the same
period last year, and the restatement of the audited consolidated financial statements for the year 2024"*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh Stock Exchange

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2025 so với cùng kỳ năm trước và điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 như sau:

Nam Viet Corporation (Stock symbol: ANV) explains the difference in consolidated net profit for the year 2025 compared to the same period last year and the restatement of the audited consolidated financial statements for the year 2024 as follows:

1. Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2025 so với cùng kỳ năm trước/ Explanation of the difference in consolidated net profit for the year 2025 compared to the same period last year

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2025 lãi 999 tỷ đồng, tăng 1.989% so với cùng kỳ năm trước./ *The consolidated net profit in 2025 was VND 999 billion, representing a 1.989% increase compared to the same period last year.*

- Doanh thu thuần hợp nhất năm 2025 đạt 6.951 tỷ đồng, tăng 41,5% so với cùng kỳ năm trước do sản lượng tăng. Dẫn đến, Lợi nhuận gộp tăng 189,6% so với cùng kỳ năm trước./ *Consolidated net revenue in 2025 reached VND 6.951 billion, representing a 41,5% increase compared to the same period last year due to an increase in sales volume. As a result, gross profit increased by 189,6% compared to the same period last year.*

- Doanh thu tài chính tăng 17,7 tỷ đồng, chi phí tài chính giảm 29,8 tỷ đồng trong đó chi phí lãi vay giảm 23,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước./ *Financial income increased of VND 17,7 billion and financial expenses decreased by VND 29,8 billion, in*



which interest expense decreased by VND 23,2 billion compared to the same period last year.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 14 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, do hoàn nhập dự phòng các khoản nợ khó đòi đã thu hồi được/ *General and administration expenses decreased by VND 14 billion compared to the same period last year, due to reversal of allowance for doubtful debts.*

- Bên cạnh đó, chi phí bán hàng tăng 98 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước/ *Besides, selling expenses increased by VND 98 billion compared to the same period last year.*

2. Giải trình điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024/ *Explanation of the restatement of the consolidated financial statements for the year 2024.*

Trong quý III/2025, công ty con của chúng tôi bị Cục thuế TP. Cần Thơ truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước liên quan đến việc loại trừ chi phí mua hàng của cá nhân không kinh doanh và đã điều chỉnh hồi tố thuế thu nhập doanh nghiệp vào báo cáo tài chính năm 2024. Dẫn đến, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 cũng thay đổi.

In Q3/2025, our subsidiary has to pay corporate income tax collected in arrears of the previous years as required by the decision of Can Tho City Tax Department, related to the exclusion of costs on purchases of goods from non-business individuals, and restated the corporate income tax in the 2024 financial statements. As a result, the consolidated financial statements for 2024 have also been amended.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 như sau: *The impact of this restatement on the comparative figures in the consolidated financial statements for the year 2024 is as follows:*

	Mã số/Code	Số liệu trước điều chỉnh/ <i>Figures before adjustment</i>	Các điều chỉnh/ <i>Adjustments</i>	Số liệu sau điều chỉnh/ <i>Figures after adjustment</i>
<i>Bảng cân đối kế toán/Balance sheet</i>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước/Taxes and other obligations to the State Budget	314	30.002.116.119	3.047.233.436	33.049.349.555
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421	136.117.247.017	(3.047.233.436)	133.070.013.581



Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết / *We hereby explain to you and our valued shareholders.*

Trân trọng kính chào/ *Yours faithfully,*

Nơi nhận/To:

- Như trên/As above
- Ban TGD/ The BoM
- Lưu VT/To be filed

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
SIGNED FOR GENERAL DIRECTOR**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Cảnh

